

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH: TÂM LÝ HỌC LÂM SÀNG**  
**MÃ NGÀNH: 8310402**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24.97/QĐ-NTT ngày 21 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Clinical Psychology

+ Tên tiếng Việt: Tâm lý học lâm sàng

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bachelor 7

Định hướng đào tạo: Định hướng nghiên cứu

Khóa học áp dụng từ: 2025

Thời gian đào tạo: 02 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

+ Khoa Tâm lý – Giáo dục

+ Địa chỉ văn phòng: 298A Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu thành phố Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 – số nội bộ: 411

**2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ (Quyết định số 569/QĐ-ĐHNTT ngày 10/05/2022) của trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

**2.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển**

a) Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; ngành phù hợp (Nhóm 1) và ngành phù hợp (Nhóm 2). Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

b) Ứng viên đáp ứng khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

## 2.2. Phương thức tuyển sinh

Hình thức: Xét tuyển

Công dân Việt Nam đáp ứng được yêu cầu đối với người dự tuyển quy định tại Chương II Điều 5 theo Quyết định số 569/QĐ-ĐHNTT ngày 10/05/2022 có thể nộp hồ sơ xét tuyển (mẫu hồ sơ theo quy định của Đại học Nguyễn Tất Thành).

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

2.3. Danh mục các ngành phù hợp 1 và các ngành phù hợp khác cần học bổ sung kiến thức

2.3.1. Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức và không yêu cầu thâm niên công tác, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

Mã số	Tên gọi
7310401	Tâm lý học
7310403	Tâm lý giáo dục
Thí điểm	Tham vấn học đường
Thí điểm	Tâm lý học lâm sàng

2.3.2. Ngành phù hợp (Nhóm 1) phải học bổ sung kiến thức

Mã số	Tên gọi (Bảng cử nhân)
7720101	Y khoa
7720102	Y học dự phòng
7720115	Y học cổ truyền
7720301	Điều dưỡng
7720701	Y tế công cộng
7760101	Công tác xã hội
7760103	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
7140101	Giáo dục học
7140201	Giáo dục Mầm non
7140202	Giáo dục Tiểu học
7140203	Giáo dục Đặc biệt
7140204	Giáo dục Công dân
7140213	Sư phạm Sinh học
7140217	Sư phạm Ngữ văn
7140218	Sư phạm Lịch sử
7140219	Sư phạm Địa lí
7310301	Xã hội học
7310302	Nhân học

2.3.3. Đối với các ngành phù hợp (Nhóm 2) phải học bổ sung kiến thức như ngành phù hợp (Nhóm 1) và phải đã hoặc đang tham gia hoạt động ở lĩnh vực tâm lý hoặc sức khỏe tâm thần.

2.3.4. Chương trình bổ sung kiến thức

TT	Các học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1	Tâm lý học đại cương	2
2	Tâm lý học lâm sàng	2
3	Tham vấn tâm lý	2
4	Tâm bệnh học	2
5	Chẩn đoán tâm lý	2
	<b>Tổng số tín chỉ</b>	<b>10</b>

2.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

Tuyển sinh trung bình từ 25 – 30 học viên/ khoá.

Sau mỗi năm thì số lượng đào tạo tăng dần (Mỗi năm tăng 10 học viên/01 năm).

**3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)**

Sau khi hoàn tất chương trình Thạc sĩ tâm lý học lâm sàng học viên tốt nghiệp có thể:

STT	Mã PLOs	Nội dung của PLOs	Nội dung PPCs của PLOs
<b>Kiến thức (Knowledge-K)</b>			
1	<b>PLO1 (K1)</b>	Có khả năng lĩnh hội kiến thức chung và phát triển chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý học lâm sàng, cũng như phát triển cá nhân trong xã hội;	1.1. Phân tích các lý thuyết và nguyên lý cơ bản trong tâm lý học lâm sàng 1.2. Phân tích chuyên sâu về tâm bệnh học và các rối loạn tâm lý 1.3. Phân tích các phương pháp đánh giá và can thiệp tâm lý
2	<b>PLO2 (K2)</b>	Có khả năng nhận định, đánh giá về các chuyên ngành trong tâm lý học lâm sàng, bao gồm đánh giá, định hình trường hợp và trị liệu tâm lý;	2.1. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến trong tâm lý học lâm sàng 2.2. Thực hiện nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tâm lý học lâm sàng 2.3. Phát triển kiến thức mới và đề xuất cải tiến thực hành nghề nghiệp
3	<b>PLO3 (K3)</b>	Có khả năng phân tích, tổng hợp các mô hình can thiệp dựa vào cơ sở khoa học của tâm lý học lâm	3.1. Tích hợp kiến thức y học và sinh học trong thực hành tâm lý lâm sàng

		sàng và biết vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao tính ứng dụng trong thực tiễn;	3.2. Vận dụng kiến thức xã hội học và văn hóa trong can thiệp tâm lý 3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và thực hành tâm lý học lâm sàng
<b>Kỹ năng (Skills-S)</b>			
4	<b>PLO4 (S1)</b>	Có kỹ năng đánh giá lâm sàng, chẩn đoán, định hình trường hợp và trị liệu tâm lý cho cá nhân, nhóm đa dạng trong xã hội, đảm bảo nguyên tắc đạo đức và tính chuyên nghiệp;	4.1. Thực hiện chẩn đoán và đánh giá tâm lý lâm sàng theo tiêu chuẩn chuyên môn 4.2. Áp dụng các phương pháp can thiệp tâm lý dựa trên bằng chứng 4.3. Điều chỉnh can thiệp phù hợp với đặc điểm cá nhân và văn hóa của thân chủ
5	<b>PLO5 (S2)</b>	Có khả năng xây dựng kế hoạch chiến lược giám sát, quản lý quy trình can thiệp tại hệ thống khám chữa bệnh, trường học và cộng đồng;	5.1. Phân tích và tổng hợp dữ liệu nghiên cứu trong tâm lý học lâm sàng 5.2. Đánh giá và diễn giải kết quả nghiên cứu một cách khoa học 5.3. Đề xuất giải pháp sáng tạo dựa trên kết quả nghiên cứu
6	<b>PLO6 (S3)</b>	Có khả năng giao tiếp với các chuyên gia sức khỏe tâm thần, về chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực lâm sàng;	6.1. Truyền đạt kiến thức chuyên môn cho các đối tượng khác nhau 6.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong truyền thông chuyên môn 6.3. Ứng dụng ngoại ngữ trong giao tiếp chuyên môn và nghiên cứu
7	<b>PLO7 (S4)</b>	Có khả năng lập kế hoạch và thiết kế triển khai đề tài nghiên cứu khoa học;	7.1. Thể hiện khả năng làm việc độc lập trong môi trường chuyên môn 7.2. Lãnh đạo nhóm và điều phối công việc hiệu quả 7.3. Lập kế hoạch và triển khai đề tài NCKH khả thi
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility-A)</b>			
8	<b>PLO8 (A1)</b>	Chủ động nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng. Tự chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc xây dựng, định hướng can thiệp và hỗ trợ người có rối nhiễu tâm lý và quản lý hồ sơ tâm lý;	8.1. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo quyền lợi thân chủ 8.2. Thể hiện trách nhiệm xã hội trong thực hành nghề nghiệp 8.3. Dẫn dắt chuyên môn và đề

			xuất giải pháp sáng tạo
9	PLO9 (A2)	Thích nghi linh hoạt, tự định hướng, thực hiện và hướng dẫn được người khác rèn luyện và phát huy các phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội. Tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và những vấn đề pháp luật; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng.	9.1. Có khả năng thích nghi, linh hoạt trong các tình huống cụ thể cần giải quyết
			9.2. Có đạo đức cốt lõi trong trị liệu cũng như trong nghiên cứu, đảm bảo các quy điều đạo đức trong quy trình làm việc với thân chủ
			9.3. Thực hiện chuyên môn đảm bảo các quy định pháp luật, nhằm hỗ trợ cộng đồng thụ hưởng các thành tựu khoa học theo quy định pháp luật

#### 4. Các điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành tất cả các học phần trong chương trình đào tạo.
- Có đơn xin bảo vệ luận văn thạc sĩ, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn khoa học là luận văn/đề án đạt các yêu cầu và đồng ý cho học viên bảo vệ luận văn.
- Đáp ứng tỷ lệ trùng lặp đạo văn theo quy định của Nhà trường.
- Học viên không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không trong thời gian xem xét giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn/đề án.
- Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

#### 5. Các điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn/đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc luận văn/đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết

luận của Hội đồng đánh giá luận văn/đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;

- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

## 6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1.	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2.	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3.	5,5 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4.	Dưới 5,5	F	0	Kém

## II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Một vài năm sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

PEO1: Đào tạo các nhà tâm lý học lâm sàng, hành nghề chuyên nghiệp, có năng lực vận dụng tư duy sáng tạo, các kiến thức tâm lý học lâm sàng trong lĩnh vực nhận diện, đánh giá, giám sát, trị liệu các dạng thức tâm bệnh cho cộng đồng;

PEO2: Có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, phát hiện, sáng tạo trong tham vấn và trị liệu các tâm bệnh của con người trên nền tảng tâm lý học lâm sàng và dữ liệu khoa học hiện đại, vận dụng công nghệ AI trong lĩnh vực chuyên môn;

PEO3: Thể hiện khả năng thích nghi, trang bị kiến thức chuyên ngành, tự định hướng, đảm nhiệm công việc đảm bảo đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm cao với chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

### Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)								
	PLO1 (K1)	PLO2 (K2)	PLO3 (K3)	PLO4 (S1)	PLO5 (S2)	PLO6 (S3)	PLO7 (S4)	PLO8 (A1)	PLO9 (A2)
PEO1	x	X			x			x	
PEO2			x				x		x
PEO3			x		x	x		x	

### III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7);

Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp;

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình;

Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các học phần cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế;

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

#### 2. Mối liên hệ của các học phần trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HV TN	CÁC HỌC PHẦN		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
<b>NĂNG LỰC 1</b> (C1: Đánh giá và chẩn đoán tâm lý.)	Tâm bệnh học nâng cao (3 tín chỉ)	02	06 tín chỉ	10%
	Đánh giá và giám định tâm lý (3 tín chỉ)			
<b>NĂNG LỰC 2</b> (C2: Can thiệp và trị liệu tâm lý)	Định hình trường hợp trong tâm lý học lâm sàng (3 tín chỉ)	3	9 tín chỉ	15%
	Điều trị các vấn đề hướng nội (3 tín chỉ)			
	Điều trị các vấn đề hướng ngoại (3 tín chỉ)			
<b>NĂNG LỰC 3</b>	Tâm bệnh học nâng cao (3 tín chỉ)	03	9 tín	

(C3: Tham vấn tâm lý)	Đánh giá và giám định tâm lý (3 tín chỉ)		chỉ	15%
	Tâm lý học lâm sàng (3 tín chỉ)			
<b>NĂNG LỰC 4</b> (C4: Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TLHLS)	Phương pháp NCKH tâm lý lâm sàng (3 tín chỉ)	4	24 tín chỉ	40%
	Liệu pháp CBT chuyên sâu (3 tín chỉ)			
	Liệu pháp chánh niệm (3 tín chỉ)			
	Liệu pháp nghệ thuật (3 tín chỉ)			
	Luận văn tốt nghiệp (12 tín chỉ)			
<b>NĂNG LỰC 5</b> (C5: Giảng dạy và chia sẻ kiến thức chuyên ngành)	Ứng dụng AI trong thống kê TLHLS (3 tín chỉ)	2	6 tín chỉ	10%
	AI trong sức khoẻ tâm thần toàn cầu (3 tín chỉ)			
<b>NĂNG LỰC 6</b> (C6: Tổ chức và điều phối chuyên môn)	Thực hành Tâm lý học lâm sàng 1 (3 tín chỉ)	4	12 tín chỉ	20%
	Đánh giá và can thiệp phổ tự kỷ (3 tín chỉ)			
	Can thiệp rối loạn nghiện (3 tín chỉ)			
	Can thiệp trẻ tăng động giảm chú ý (3 tín chỉ)			
<b>NĂNG LỰC 7</b> (C7: Đạo đức nghề nghiệp và phát triển chuyên môn)	Đạo đức nghề TLHLS (3 tín chỉ)	1	3 tín chỉ	5%

### 3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

#### Hướng nghiên cứu: Định hướng nghiên cứu

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	6	10%
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	30	50%
Nghiên cứu khoa học	24	40%
- Luận văn (12 tín chỉ)	12	
- Chuyên đề nghiên cứu khác (12 tín chỉ)	12	
Kiến thức khác (nếu có)		

**4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	<b>0</b>
1	073318	Triết học <i>Philosophy</i>	3	3	0
2	079649	AI trong sức khỏe tâm thần toàn cầu <i>AI in Global mental health</i>	3	1	2
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (Foundation and Specialized Knowledge Block)</b>		<b>30</b>		
<b>Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)</b>			<b>24</b>		
3	079650	Tâm bệnh học nâng cao <i>Advanced Psychopathology</i>	3	1	2
4	079651	Tâm lý học sức khỏe <i>Health Psychology</i>	3	1	2
5	079652	Đo lường và đánh giá trong tâm lý học <i>Measurement and Evaluation in Psychology</i>	3	2	1
6	079653	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý lâm sàng <i>Research Methods in Clinical Psychology</i>	3	2	1
7	079654	Định hình trường hợp trong tâm lý học lâm sàng <i>Case Formulation in Clinical Psychology</i>	3	1	2
8	079655	Điều trị các vấn đề	3	1	2

		hướng nội <i>Treatment of internalizing problems</i>			
9	079656	Điều trị các vấn đề hướng ngoại <i>Treatment of externalizing problems</i>	3	1	2
10	079657	Thực hành tâm lý học lâm sàng 1 <i>Clinical Psychology Practicum 1</i>	3	1	2
<b>Các học phần tự chọn (Elective Courses)</b>			<b>6/12</b>		
11	079658	Ứng dụng AI trong thống kê tâm lý học <i>Applications of AI in Psychological Statistics</i>	3	2	1
12	079659	Tâm lý học lâm sàng <i>Clinical Psychology</i>	3	2	1
13	079660	Các trường phái tâm lý trong can thiệp trị liệu <i>Major Approaches to Psychotherapeutic Intervention</i>	3	2	1
14	079661	Thực hành tâm lý học lâm sàng 2 <i>Clinical Psychology Practicum 2</i>	3	1	2
<b>III</b>	<b>Các học phần tự chọn chuyên sâu và Luận văn tốt nghiệp</b>		<b>24</b>		
<b>Các học phần tự chọn chuyên sâu</b>			Chọn 12/24		
15	079662	Đánh giá và can	3	1	2

		thiếp phổ tự kỷ <i>Assessment and intervention for autism spectrum disorder</i>			
16	079663	Can thiệp và rối loạn nghiện <i>Intervention and addictive disorders</i>	3	1	2
17	079664	Triệu chứng học và trị liệu dược lý cho rối loạn tâm thần <i>Symptomatology and Pharmacological Treatments for Mental Disorders</i>	3	2	1
18	079665	Liệu pháp CBT chuyên sâu <i>Advanced Cognitive-Behavioral Therapy (CBT)</i>	3	1	2
19	079667	Liệu pháp chánh niệm <i>Mindfulness-Based Therapies</i>	3	1	2
20	079668	Liệu pháp nghệ thuật <i>Art Therapy</i>	3	1	2
21	079669	Đạo đức nghề tâm lý học lâm sàng <i>Professional Ethics in Clinical Psychology</i>	3	1	2
22	080016	Can thiệp cho trẻ tăng động giảm chú	3	1	2

		ý <i>Interventions for ADHD</i>			
<b>Luận văn tốt nghiệp</b>			12		
23	080017	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	12	0	12
<b>Tổng cộng</b>			<b>60</b>		

### 5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
<b>HỌC KỲ 1</b>			<b>12</b>					
1	073318	Triết học <i>Philosophy</i>	3	45	0	145	Phương pháp dạy học tích cực	Tiểu luận (TL)
2	079649	AI trong sức khỏe tâm thần toàn cầu <i>AI in Global mental health</i>	3	15	60	75	Phương pháp dạy học tích cực	(Bài tập trắc nghiệm)
3	079650	Tâm bệnh học nâng cao <i>Advanced Psychopathology</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
4	079651	Tâm lý học sức khỏe Health Psychology	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(Kiểm tra tự luận)
<b>HỌC KỲ 2</b>								
<b>Bắt buộc</b>								
5	079652	Đo lường và đánh giá trong tâm lý học <i>Measurement and</i>	3	30	30	90	Phương pháp Trắc nghiệm	(Bài tập trắc nghiệm)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		<i>Evaluation in psychology</i>						
6	079653	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý lâm sàng <i>Research Methods in Clinical Psychology</i>	3	30	30	90	Phương pháp dạy học tích cực	(Kiểm tra tự luận)
7	079654	Định hình trường hợp trong tâm lý học lâm sàng <i>Case Formulation in Clinical Psychology</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
8	079655	Điều trị các vấn đề hướng nội <i>Treatment of internalizing problems</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
<b>HỌC KỲ 3</b>								
<b>Bắt buộc</b>								
9	079656	Điều trị các vấn đề hướng ngoại <i>Treatment of externalizing problems</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
10	079657	Thực hành tâm lý học lâm sàng 1 <i>Clinical Psychology Practicum 1</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
<b>Tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>								

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
11	079658	Ứng dụng AI trong thống kê tâm lý học <i>Applications of AI in Psychological Statistics</i>	3	30	30	90	Phương pháp thực hành	(Kiểm tra tự luận)
12	079661	Thực hành tâm lý học lâm sàng 2 <i>Clinical Psychology Practicum 2</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
13	079659	Tâm lý học lâm sàng <i>Clinical Psychology</i>	3	30	30	90		
14	079660	Các trường phái tâm lý trong can thiệp trị liệu <i>Major Approaches to Psychotherapeutic Intervention</i>	3	30	30	90		
<b>HỌC KỲ 4</b>								
<i>Tự chọn</i>								
15	079664	Triệu chứng học và trị liệu dược lý cho rối loạn tâm thần <i>Symptomatology and Pharmacological Treatments for Mental Disorders</i>	3	30	30	90	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
16	079665	Liệu pháp CBT chuyên sâu <i>Advanced Cognitive-Behavioral Therapy (CBT)</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
17	079667	Liệu pháp chánh niệm <i>Mindfulness-Based Therapies</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
18	079668	Liệu pháp nghệ thuật <i>Art Therapy</i>	3	15	60	75		
19	079662	Đánh giá và can thiệp phổ tự kỷ <i>Assessment and intervention for autism spectrum disorder</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
20	079663	Can thiệp và rối loạn nghiện <i>Intervention and addictive disorders</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
21	079669	Đạo đức nghề tâm lý học lâm sàng <i>Professional Ethics in Clinical Psychology</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
22	080016	Can thiệp cho trẻ tăng động giảm chú ý <i>Interventions for ADHD</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
Giao đề cương cho học viên								
<b>HỌC KỲ 5</b>								
	Bảo vệ đề cương							
	Triển khai luận văn							
<b>HỌC KỲ 6</b>								
23	080017	Luận văn Thạc sĩ Master Thesis	12	0	540	60		
Hội đồng xét tốt nghiệp và cấp bằng								
<b>TỔNG</b>			<b>60</b>					

## 6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

(Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra chương trình theo thang IPM)

**I (Introduce):** Đây là những học phần dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs (Programme Performance Criteria) ở mức độ đơn giản;

**P (Practice):** Đây là những học phần dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ trung bình;

**M (Master):** Đây là những học phần dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ thành thạo.

TT	Mã	Tên học	Học	Chuẩn đầu ra
----	----	---------	-----	--------------

	<b>học phần</b>	<b>phần/ phần</b>	<b>kỳ</b>	<b>PLO<sub>1</sub> K1</b>	<b>PLO<sub>2</sub> K2</b>	<b>PLO<sub>3</sub> K3</b>	<b>PLO<sub>4</sub> S1</b>	<b>PLO<sub>5</sub> S2</b>	<b>PLO<sub>6</sub> S3</b>	<b>PLO<sub>7</sub> S4</b>	<b>PLO<sub>8</sub> A1</b>	<b>PLO<sub>9</sub> A2</b>
1	0733 18	Triết học <i>Philosophy</i>	3	<b>I</b>					<b>I</b>		<b>I</b>	<b>I</b>
2	0796 49	AI trong sức khoẻ tâm thần toàn cầu <i>AI in Global mental health</i>	3	<b>I</b>	<b>M</b>	<b>P</b>		<b>M</b>	<b>P</b>	<b>P</b>	<b>P</b>	<b>P</b>
3	0796 50	Tâm bệnh học nâng cao <i>Advanced Psychopathol ogy</i>	3	<b>M</b>			<b>P</b>		<b>P</b>	<b>P</b>	<b>I</b>	<b>I</b>
4	0796 51	Tâm lý học sức khoẻ <i>Health Psychology</i>	3	<b>M</b>			<b>M</b>	<b>P</b>	<b>P</b>		<b>P</b>	<b>P</b>
5	0796 52	Đo lường và đánh giá trong tâm lý học <i>Measurement and Evaluation in psychology</i>	3	<b>P</b>			<b>P</b>		<b>P</b>	<b>P</b>	<b>P</b>	<b>M</b>
6	0796 53	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý lâm sàng <i>Research Methods in Clinical Psychology</i>	3		<b>M</b>	<b>P</b>		<b>M</b>		<b>P</b>	<b>P</b>	<b>I</b>
7	0796 54	Định hình trường hợp trong tâm lý học lâm sàng <i>Case</i>	3	<b>M</b>			<b>M</b>		<b>P</b>		<b>P</b>	<b>P</b>

TT	Mã học phần	Tên học phần/	Học kỳ	Chuẩn đầu ra								
				PLO <sub>1</sub> K1	PLO <sub>2</sub> K2	PLO <sub>3</sub> K3	PLO <sub>4</sub> S1	PLO <sub>5</sub> S2	PLO <sub>6</sub> S3	PLO <sub>7</sub> S4	PLO <sub>8</sub> A1	PLO <sub>9</sub> A2
		<i>Formulation in Clinical Psychology</i>										
8	0796 55	Điều trị các vấn đề hướng nội <i>Treatment of internalizing problems</i>	3	P			M		P		P	P
9	0796 56	Điều trị các vấn đề hướng ngoại <i>Treatment of externalizing problems</i>	3	M			M	P	P		P	P
10	0796 57	Thực hành tâm lý học lâm sàng 1 <i>Clinical Psychology Practicum 1</i>	3	M			M		M		P	P
11	0796 58	Ứng dụng AI trong thống kê tâm lý học <i>Applications of AI in Psychological Statistics</i>	3	P		M	M	P	M	P	M	M
12	0796 59	Tâm lý học lâm sàng <i>Clinical Psychology</i>	3	P			P		P		P	P
13	0796 60	Các trường phái tâm lý trong can thiệp trị liệu	3	P			M		P		P	P

TT	Mã học phần	Tên học phần/	Học kỳ	Chuẩn đầu ra								
				PLO <sub>1</sub> K1	PLO <sub>2</sub> K2	PLO <sub>3</sub> K3	PLO <sub>4</sub> S1	PLO <sub>5</sub> S2	PLO <sub>6</sub> S3	PLO <sub>7</sub> S4	PLO <sub>8</sub> A1	PLO <sub>9</sub> A2
		<i>Major Approaches to Psychotherapeutic Intervention</i>										
14	0796 61	Thực hành tâm lý học lâm sàng 2 <i>Clinical Psychology Practicum 2</i>	3	P			M		M		M	P
15	0796 62	Đánh giá và can thiệp phổ tự kỷ <i>Assessment and intervention for autism spectrum disorder</i>	3	P			P		P		P	P
16	0796 63	Can thiệp và rối loạn nghiện <i>Intervention and addictive disorders</i>	3	P			M		P		P	P
17	0796 64	Triệu chứng học và trị liệu dược lý cho rối loạn tâm thần <i>Symptomatology and Pharmacological Treatments for Mental</i>	3	P			M		P		P	P

TT	Mã học phần	Tên học phần/	Học kỳ	Chuẩn đầu ra								
				PLO <sub>1</sub> K1	PLO <sub>2</sub> K2	PLO <sub>3</sub> K3	PLO <sub>4</sub> S1	PLO <sub>5</sub> S2	PLO <sub>6</sub> S3	PLO <sub>7</sub> S4	PLO <sub>8</sub> A1	PLO <sub>9</sub> A2
		<i>Disorders</i>										
18	0796 65	Liệu pháp CBT chuyên sâu  <i>Advanced Cognitive-Behavioral Therapy (CBT)</i>	3	P			P		P		M	P
19	0796 67	Liệu pháp chánh niệm  <i>Mindfulness-Based Therapies</i>	3	P			P		M		P	P
20	0796 68	Liệu pháp nghệ thuật  <i>Art Therapy</i>	3	P		M	M	P	M		M	M
21	0796 69	Đạo đức nghề tâm lý học lâm sàng  <i>Professional Ethics in Clinical Psychology</i>	3	M		M	M	M	M		M	M
22	0800 16	Can thiệp cho trẻ tăng động giảm chú ý  <i>Interventions for ADHD</i>	3	M	M	P	M	M	M		M	M
23	0800 17	Luận văn thạc sĩ  <i>Master Thesis</i>		M	M	M	M	M	M	M	M	M

## 7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

TT	Tên học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học	<p>Học phần Triết học nghiên cứu hệ thống các tri thức lý luận về lịch sử triết học, các quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, mối quan hệ giữa triết học và các khoa học, triết học về con người.</p> <p>Học phần Triết học bao gồm hệ thống các tri thức được phân bố thành 8 bài, với thời lượng 45 giờ, trong đó học viên được tiếp cận hệ thống các tri thức cơ bản như: Bài 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Bài 2: Khái luận về triết học phương Đông; Bài 3: Khái luận về triết học phương Tây; Bài 4: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật biện chứng; Bài 5: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật lịch sử; Bài 6: Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học; Bài 7: Triết học về con người; Bài 8: Ý thức xã hội</p>
2	AI trong Sức khoẻ tâm thần toàn cầu	<p>Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để áp dụng ứng dụng trí tuệ nhân tạo để chẩn đoán hỗ trợ điều trị và quản lý các vấn đề tâm lý như trầm cảm, rối loạn lo âu, rối loạn căng thẳng trên quy mô toàn cầu. các chuyên gia tâm lý cần vận dụng AI trong lĩnh vực sức khoẻ tâm thần như là một công cụ hỗ trợ đắc lực, chuyên nghiệp hoá nghề nghiệp</p>
3	Tâm bệnh học nâng cao	<p>Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các rối loạn tâm lý và phương pháp chẩn đoán tâm bệnh theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành như DSM-5 và ICD-11. Nội dung tập trung vào việc phân tích chi tiết các nhóm rối loạn tâm lý chính, bao gồm rối loạn khí sắc, rối loạn lo âu, rối loạn phổ tự kỷ, rối loạn nhân cách, rối loạn tâm thần phân liệt và các rối loạn liên quan đến stress. Học viên được đào tạo về quy trình chẩn đoán tâm lý</p>

		<p>chuyên nghiệp, từ thu thập thông tin, sử dụng các công cụ đánh giá tâm lý chuẩn hóa, đến phân tích và tổng hợp dữ liệu để đưa ra chẩn đoán phân biệt. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh việc thực hành các kỹ năng phỏng vấn lâm sàng, quan sát hành vi và sử dụng các thang đánh giá tâm lý chuyên biệt. Thông qua học phần, học viên phát triển năng lực chẩn đoán độc lập, khả năng phân tích ca bệnh và lập kế hoạch can thiệp phù hợp. Học phần cũng đề cao việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong chẩn đoán và đánh giá tâm lý, đồng thời chú trọng đến các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến biểu hiện và chẩn đoán rối loạn tâm lý trong bối cảnh Việt Nam.</p>
4	Tâm lý học sức khỏe	<p>Học phần tâm lý học sức khỏe là sự giao thoa nội dung kiến thức giữa tâm lý học và y học trong đào tạo các chuyên gia y tế và chăm sóc sức khỏe tâm thần. Nhận diện được mối quan hệ giữa nhân cách và nguy cơ mắc bệnh, cũng như các yếu tố gây stress, cơ chế phản ứng, khả năng quản lý căng thẳng hiệu quả. Kỹ năng giao tiếp giữa nhân viên y tế và bệnh nhân hiệu quả.</p>
5	Đo lường và đánh giá trong tâm lý học	<p>Học phần đo lường và đánh giá tâm lý tập trung trình bày các vấn đề liên quan đến hoạt động đo lường và đánh giá trong nghiên cứu tâm lý người. Nội dung của học phần hướng tới việc giúp người học nhận biết, phân tích, diễn giải, đánh giá và vận dụng các kiến thức về đo lường và đánh giá trong nghiên cứu tâm lý người như: các khái niệm căn bản trong đo lường và đánh giá tâm lý; quy trình, nguyên tắc, kỹ thuật thiết kế công cụ đo lường; các kỹ thuật phân tích item; phương pháp chọn mẫu; phương pháp đánh giá độ tin cậy của công cụ đo lường; độ hiệu lực và các phương pháp đánh giá độ hiệu lực của công cụ đo trong nghiên cứu tâm lý học.</p>
	Phương pháp nghiên cứu khoa	<p>Học phần Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học lâm sàng của chương trình đào tạo cao học chuyên ngành tâm lý học</p>

6	học tâm lý lâm sàng	lâm sàng là một học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chung, có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác thuộc các khối kiến thức chung, cơ sở và chuyên ngành. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học và rèn luyện các kỹ năng lựa chọn đề tài nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; thiết kế công cụ đo lường; thu thập và xử lý thông tin định lượng, định tính; kỹ năng viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu phù hợp với từng vấn đề nghiên cứu cụ thể của luận văn chuyên ngành tâm lý học lâm sàng.
7	Định hình trường hợp trong TLHLS	Học phần cung cấp kỹ năng xây dựng một giả thuyết lâm sàng (định hình trường hợp) về các vấn đề của thân chủ. Học viên học cách tích hợp lý thuyết, thông tin đánh giá để giải thích nguyên nhân, các yếu tố duy trì vấn đề và từ đó xây dựng một kế hoạch can thiệp phù hợp và hiệu quả.
8	Điều trị các vấn đề hướng nội	Học phần tập trung vào các chiến lược đánh giá và can thiệp dựa trên bằng chứng cho các rối loạn hướng nội như rối loạn lo âu lan tỏa, rối loạn hoảng sợ, ám ảnh xã hội, trầm cảm và rối loạn stress sau sang chấn (PTSD).
9	Điều trị các vấn đề hướng ngoại	Học phần tập trung vào các phương pháp đánh giá và can thiệp dựa trên bằng chứng cho các rối loạn hướng ngoại, điển hình như rối loạn hành vi gây hấn, rối loạn chống đối thách thức (ODD), và các vấn đề liên quan đến kiểm soát xung động.
10	Thực hành tâm lý học lâm sàng	Đây là học phần thực hành có giám sát đầu tiên, cho phép học viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế. Học viên sẽ bắt đầu làm việc với thân chủ dưới sự giám sát chặt chẽ, tập trung vào việc xây dựng kỹ năng lâm sàng cơ bản, phỏng vấn, và thiết lập quan hệ trị liệu.

	1	
11	Ứng dụng AI trong thống kê tâm lý học	<p>Ứng dụng AI trong thống kê tâm lý học giúp các nhà chuyên gia tâm lý khai thác dữ liệu phức tạp một cách hiệu quả hơn, kết hợp trí tuệ nhân tạo với các phương pháp thống kê để mở rộng phân tích, dự đoán và cá nhân hoá trong nghiên cứu và trị liệu tâm lý.</p>
12	Tâm lý học lâm sàng	<p>Học phần này cung cấp cho học viên cái nhìn toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực Tâm lý học lâm sàng. Nội dung sẽ tập trung vào lịch sử, các mô hình lý thuyết chính, các phương pháp chẩn đoán và đánh giá tâm lý lâm sàng. Học viên sẽ được trang bị kiến thức về các rối loạn tâm lý phổ biến, từ nguyên nhân, triệu chứng đến các phương pháp can thiệp cơ bản. Đồng thời, học phần cũng nhấn mạnh vai trò của đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn của nhà tâm lý lâm sàng.</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nâng cao trong lĩnh vực đánh giá tâm lý lâm sàng, tập trung vào các phương pháp và công cụ đánh giá hiện đại. Nội dung bao gồm việc sử dụng và diễn giải các trắc nghiệm tâm lý chuẩn hóa, từ các test đánh giá trí tuệ, nhân cách đến các công cụ đánh giá chuyên biệt cho các rối loạn tâm lý cụ thể. Học viên được đào tạo về quy trình đánh giá tâm lý toàn diện, bao gồm phỏng vấn lâm sàng cấu trúc, quan sát hành vi, thu thập thông tin từ nhiều nguồn, và tích hợp dữ liệu để đưa ra kết luận chẩn đoán chính xác. Đặc biệt chú trọng việc thực hành sử dụng các công cụ đánh giá phổ biến như WAIS-IV, MMPI-2, Rorschach, và các thang đánh giá chuyên biệt khác. Thông qua học phần, học viên phát triển kỹ năng lập kế hoạch đánh giá, lựa chọn công cụ phù hợp, và viết báo cáo đánh giá tâm lý chuyên nghiệp. Học phần cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét các yếu</p>

		tổ văn hóa và ngôn ngữ trong quá trình đánh giá, cũng như các vấn đề đạo đức liên quan đến việc sử dụng và diễn giải các công cụ đánh giá tâm lý.
13	Các trường phái tâm lý trong can thiệp trị liệu	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các trường phái tâm lý chính trong can thiệp trị liệu, bao gồm các tiếp cận lý thuyết, kỹ thuật và ứng dụng thực tiễn. Nội dung học phần tập trung vào: các trường phái tâm động học, nhận thức-hành vi, nhân văn-hiện sinh, hệ thống gia đình, và các tiếp cận tích hợp hiện đại. Học phần phát triển khả năng phân tích, so sánh các trường phái, lựa chọn phương pháp can thiệp phù hợp với từng đối tượng và tình huống cụ thể. Học viên sẽ thực hành các kỹ thuật can thiệp cơ bản và phát triển năng lực tích hợp đa phương thức trong thực hành lâm sàng.
14	Thực hành tâm lý học lâm sàng 2	Học phần thực hành tâm lý học lâm sàng 2 giúp học viên vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng, phẩm chất vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp tại cơ sở. Trong quá trình thực tập, học viên sẽ được thực hành các kỹ năng căn bản trong chương trình đào tạo như: đánh giá, tham vấn, can thiệp và phòng ngừa các vấn đề tâm lý học đường. Học viên được phát triển kỹ năng cá nhân, qua đó, góp phần củng cố, nâng cao phẩm chất, năng lực nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng tự học. Trong quá trình thực tập, học viên sẽ được giám sát và hỗ trợ bởi giảng viên và chuyên viên có nhiều kinh nghiệm, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, qua đó góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tâm lý học giáo dục.
15	Đánh giá và Can thiệp cho trẻ tự kỷ	Học phần cung cấp kiến thức toàn diện về rối loạn phổ tự kỷ (ASD) và các phương pháp can thiệp hiệu quả cho trẻ em. Nội dung bao gồm: lý thuyết về rối loạn phổ tự kỷ, các phương pháp đánh giá và chẩn đoán, thiết kế chương trình can thiệp cá nhân hóa, thực hành các kỹ thuật can thiệp dựa trên bằng chứng khoa học như ABA, TEACCH, DIR/Floortime, AAC và

		<p>phương pháp can thiệp sớm. Học phần tập trung vào phát triển kỹ năng thực hành thông qua các hoạt động mô phỏng, thảo luận tình huống thực tế và quan sát can thiệp tại các trung tâm chuyên biệt.</p>
16	<p>Can thiệp và rối loạn nghiện</p>	<p>Học phần " Can thiệp và rối loạn nghiện " cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành về đánh giá, chẩn đoán, lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp hiệu quả cho các rối loạn sử dụng chất gây nghiện (Substance Use Disorders - SUDs). Nội dung học phần tập trung vào tìm hiểu các lý thuyết và mô hình nghiện đa chiều (sinh học, tâm lý, xã hội), các phương pháp sàng lọc và đánh giá toàn diện, cũng như các kỹ thuật trị liệu hành vi và tâm lý chuyên biệt cho từng giai đoạn của quá trình phục hồi.</p> <p>Học viên sẽ được thực hành các kỹ thuật can thiệp cốt lõi như Phỏng vấn tạo động lực (Motivational Interviewing), Liệu pháp nhận thức hành vi cho nghiện chất (CBT for SUDs), phòng ngừa tái nghiện, và các phương pháp hỗ trợ khác như trị liệu nhóm, trị liệu gia đình. Học phần cũng đề cập đến các can thiệp bằng thuốc và vai trò của đội ngũ đa ngành. Thông qua việc phân tích tình huống thực tế, đóng vai và nghiên cứu điển hình, học viên sẽ phát triển khả năng cá nhân hóa kế hoạch can thiệp, xử lý các tình huống phức tạp (ví dụ: tái nghiện, đồng bệnh lý tâm thần), và áp dụng các nguyên tắc đạo đức, pháp lý trong lĩnh vực nhạy cảm này. Học phần đặc biệt nhấn mạnh việc điều chỉnh các phương pháp can thiệp cho phù hợp với bối cảnh văn hóa và xã hội Việt Nam.</p>
17	<p>Triệu chứng học và trị liệu dược lý cho rối loạn tâm thần</p>	<p>Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về triệu chứng học và dược lý học tâm thần, tập trung vào hiểu biết về cơ chế thần kinh sinh học của các rối loạn tâm lý, đặc điểm triệu chứng học, và nguyên lý trị liệu dược lý. Nội dung học phần bao gồm: sinh lý bệnh của các rối loạn tâm thần phổ biến, cơ chế tác động</p>

		của các nhóm thuốc tâm thần, nguyên tắc lựa chọn và sử dụng thuốc, tác dụng phụ và tương tác thuốc, vai trò của nhà tâm lý học lâm sàng trong hợp tác liên ngành về dược lý tâm thần. Học phần phát triển năng lực hiểu biết khoa học về dược lý học để tăng cường hiệu quả hợp tác với các chuyên gia y khoa và nâng cao chất lượng can thiệp tổng hợp.
18	Liệu pháp CBT chuyên sâu	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về bản chất của liệu pháp CBT, cấu trúc của liệu pháp, các mô hình, qui trình và kỹ thuật sử dụng của liệu pháp, vận dụng và từng ca lâm sàng cụ thể, học được cách thiết kế một kế hoạch can thiệp và tiến hành can thiệp liệu pháp CBT dựa trên cơ sở xây dựng chân dung lâm sàng.
19	Liệu pháp chánh niệm	Học phần cung cấp nền tảng lý luận và thực hành chuyên sâu về liệu pháp chánh niệm (Mindfulness-based Therapy - MBT) trong trị liệu tâm lý lâm sàng. Người học sẽ được tiếp cận các mô hình liệu pháp chánh niệm như MBCT (Mindfulness-Based Cognitive Therapy), MBSR (Mindfulness-Based Stress Reduction), ACT (Acceptance and Commitment Therapy) và DBT (Dialectical Behavior Therapy), từ đó hiểu sâu sắc cơ chế tác động của chánh niệm trong việc giảm căng thẳng, lo âu, trầm cảm và các rối loạn tâm thần khác. Học phần kết hợp lý thuyết, thực hành cá nhân và phân tích ca lâm sàng.
20	Liệu pháp nghệ thuật	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về bản chất của liệu pháp Art therapy, lịch sử của liệu pháp, cơ sở lý luận, nguyên lý hoạt động, các hình thức, nắm rõ qui trình, kỹ thuật và công cụ cơ bản của liệu pháp, vận dụng vào từng ca lâm sàng cụ thể, học được cách thiết kế một kế hoạch can thiệp và tiến hành can thiệp liệu pháp Art therapy dựa trên cơ sở xây dựng ca lâm sàng cụ thể phù hợp.
	Đạo đức nghề	Học phần trang bị cho học viên những nguyên tắc và

21	tâm lý học lâm sàng	<p>chuẩn mực đạo đức cốt lõi trong thực hành tâm lý lâm sàng, dựa trên các bộ quy tắc đạo đức quốc tế và quy định nghề nghiệp của Việt Nam. Nội dung tập trung vào các vấn đề đạo đức then chốt như bảo mật thông tin, ranh giới trong mối quan hệ trị liệu, tôn trọng quyền tự quyết của thân chủ, và trách nhiệm nghề nghiệp của nhà tâm lý lâm sàng. Học viên được hướng dẫn cách xử lý các tình huống đạo đức phức tạp trong thực hành lâm sàng, như xung đột lợi ích, giới hạn năng lực chuyên môn, và nghĩa vụ báo cáo. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh việc phân tích và ra quyết định đạo đức trong các trường hợp khẩn cấp hoặc có nguy cơ tự hại/gây hại cho người khác. Thông qua học phần, học viên phát triển nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm nghề nghiệp, đồng thời rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện và ra quyết định đạo đức. Học phần cũng đề cập đến các vấn đề đạo đức đặc thù trong bối cảnh văn hóa-xã hội Việt Nam, và cách thức xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp lành mạnh với đồng nghiệp, thân chủ và các bên liên quan.</p>
22	Can thiệp cho trẻ tăng động giảm chú ý	<p>Học phần cung cấp kiến thức toàn diện về rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD) và các phương pháp can thiệp hiệu quả cho trẻ em. Nội dung bao gồm: lý thuyết về ADHD, các phương pháp đánh giá và chẩn đoán, thiết kế chương trình can thiệp đa phương thức, thực hành các kỹ thuật can thiệp dựa trên bằng chứng khoa học như can thiệp nhận thức-hành vi, can thiệp dược lý, can thiệp tâm lý xã hội, và quản lý hành vi. Học phần tập trung vào phát triển kỹ năng thực hành thông qua các hoạt động mô phỏng, thảo luận tình huống thực tế và quan sát can thiệp tại các trung tâm chuyên biệt.</p>
23	Luận văn	<p>Học phần luận văn thạc sĩ trong thạc sĩ tâm lý học lâm sàng là một yêu cầu bắt buộc, nhằm giúp học viên áp dụng kiến thức chuyên sâu vào một nghiên cứu độc lập. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, học viên sẽ xác định vấn đề nghiên cứu,</p>

		<p>tổng quan tài liệu, xây dựng phương pháp luận, thu thập và phân tích dữ liệu. Mục tiêu là tạo ra một công trình nghiên cứu đóng góp vào lĩnh vực tâm lý học lâm sàng, từ đó chứng minh năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu độc lập của bản thân. Cuối cùng, luận văn sẽ được bảo vệ trước hội đồng chuyên môn để đánh giá và nghiệm thu.</p>
--	--	--

**IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÁ THAM KHẢO**

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Tâm lý học lâm sàng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành <a href="#">Link</a>	CTĐT ngành Tâm lý học lâm sàng của Trường ĐH KHXH&NV, TP. Hồ Chí Minh <a href="#">Link</a>	CTĐT ngành Tâm lý học lâm sàng của Trường ĐH KHXH&NV, Hà Nội <a href="#">Link</a>	CTĐT ngành Tâm lý học lâm sàng (Master of Psychology - Clinical Psychology) của Trường ĐH Melbourne, Úc <a href="#">Link</a>	CTĐT ngành Tâm lý học lâm sàng (Master of Psychology - Clinical) của Trường ĐH Quốc gia Singapore <a href="#">Link</a>	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60	60	60	200 pts (tương đương khoảng 66-67 tín chỉ Việt Nam)	72 Course Units (tương đương 108 tín chỉ Việt Nam)	Các chương trình quốc tế thường có tổng số tín chỉ cao hơn, đặc biệt là chương trình của ĐH Sanford.
Cấu trúc chương trình: (số lượng HP hoặc số tín chỉ)	60	60	60	200 pts (tương đương khoảng 66-67 tín chỉ Việt Nam)	72 Course Units (tương đương 108 tín chỉ Việt Nam)	Cấu trúc chương trình thể hiện sự tương đồng giữa các trường
- Học phần đại cương/Khoa học cơ bản	6 tín chỉ bắt buộc	9 tín chỉ (4 bắt buộc, 5 tự chọn)	4 tín chỉ bắt buộc	N/A	N/A	Các chương trình trong nước chú trọng phần đại cương với số tín chỉ dao động từ 4-

						<p>10, trong khi các chương trình quốc tế thường tích hợp đại cương vào các HP chuyên ngành hoặc không phân định rõ ràng.</p>
<p>- Học phần cơ sở và cốt lõi ngành</p>	<p>30 (24 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn)</p>	<p>33 (18 tín chỉ bắt buộc và 15 tín chỉ tự chọn)</p>	<p>43 (21 tín chỉ bắt buộc và 22 tín chỉ tự chọn)</p>	<p>162.5 (tương đương 53.5 tín chỉ bắt buộc)</p>	<p>28 Course Units (tương đương 42 tín chỉ Việt Nam)</p>	<p>Chương trình của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành có cấu trúc hợp lý, đảm bảo cân đối giữa kiến thức nền tảng, chuyên sâu và thực hành ứng dụng</p>
<p>- Học phần nghiên cứu khoa học/Thực tập và tốt nghiệp (Ghi theo định hướng nghiên cứu hay ứng dụng)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Định hướng nghiên cứu</li> </ul>	<p>24 tín chỉ bắt buộc - Chuyên đề nghiên cứu: 12/24 tín chỉ - Luận văn Thạc sĩ: 12 TC</p>	<p>18 tín chỉ bắt buộc (thực tập 9 tín chỉ và Đề án tốt nghiệp 9 tín chỉ)</p>	<p>13 tín chỉ bắt buộc (thực tập tốt nghiệp 6 tín chỉ và Đề án tốt nghiệp 7 tín chỉ)</p>	<p>37.5 pts (tương đương 12.5 tín chỉ cho Đề án tốt nghiệp)</p>	<p>44 Course Units (thực hành 24 - 36 tín chỉ Việt Nam, và Nghiên cứu 20 - 30 tín chỉ Việt Nam)</p>	<p>Mức độ và hình thức khác nhau, nhưng tất cả các chương trình đều có phần dành riêng cho: - Thực hành chuyên ngành; - Thực tập lâm sàng; - Khóa luận tốt nghiệp hoặc đề tài nghiên cứu ứng</p>

									dụng.
Phương pháp dạy/học tập	giảng	Tích hợp lý thuyết – thực hành, học theo mô hình ứng dụng	Kết hợp lý thuyết và thực hành, sử dụng bài giảng, thảo luận, tình huống lâm sàng	Thực hành tại bệnh viện + lý thuyết chuyên sâu	Học tập dựa trên tình huống, thực tập lâm sàng, nhật kí phản tư	Bài giảng chuyên đề kết hợp với thảo luận nhóm nhỏ, học tập qua tình huống thực tiễn (case-based learning), thực hành phản tư (reflective practice).			Các chương trình trong nước và quốc tế đều nhấn mạnh việc tích hợp giữa lý thuyết và thực hành – dù mức độ hiện đại và hình thức triển khai khác nhau (truyền thống vs. học tình huống, phản tư).
Học phí		dự kiến 75.000.000 – 80.000.000 triệu/2 năm (trong nước)	Trung bình 67,5 triệu/3 năm (trong nước)	Trung bình 66 triệu/ 2 năm (trong nước)	AUD\$121,767 (khoảng 2,05 tỷ đồng Việt Nam)	SGD 83,850 (khoảng 1,57 tỷ đồng Việt Nam)			Học phí quốc tế cao hơn đáng kể so với các chương trình trong nước.

## V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Mô hình dạy học tổng thể

Chương trình Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng áp dụng mô hình dạy học tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa nghiên cứu và ứng dụng, nhằm phát triển toàn diện năng lực nghề nghiệp cho học viên. Mô hình này được thể hiện qua ba trụ cột chính:

#### 1.1. Học tập tích hợp (*Integrated Learning*)

- Tích hợp giữa lý thuyết và thực hành
- Kết hợp giữa học thuật và ứng dụng thực tiễn
- Liên kết giữa nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp
- Gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội

#### 1.2. Học tập trải nghiệm (*Experiential Learning*)

- Trải nghiệm thực tế trong môi trường nghề nghiệp
- Thực hành lâm sàng có giám sát
- Tham gia các dự án nghiên cứu
- Thực tập tại các cơ sở chuyên môn

#### 1.3. Học tập cá nhân hóa (*Personalized Learning*)

- Tùy chỉnh theo nhu cầu và sở trường của học viên
- Phát triển hướng chuyên môn cụ thể
- Tư vấn học tập cá nhân
- Định hướng nghề nghiệp phù hợp

### 2. Phương pháp giảng dạy

#### 2.1. Phương pháp giảng dạy trên lớp

a) Giảng dạy tương tác:

- Thuyết giảng kết hợp thảo luận
- Phân tích tình huống thực tế
- Seminar chuyên đề
- Báo cáo nhóm và thuyết trình

b) Học tập dựa trên vấn đề (*Problem-Based Learning*):

- Đặt vấn đề từ thực tiễn

- Phân tích và tìm giải pháp
- Thảo luận nhóm
- Đánh giá và phản hồi

c) Học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning):

- Xây dựng đề xuất dự án
- Thực hiện dự án theo nhóm
- Giám sát và tư vấn
- Báo cáo và đánh giá kết quả

## **2.2. Phương pháp thực hành chuyên môn**

a) Thực hành lâm sàng:

- Quan sát và học hỏi từ chuyên gia
- Thực hành có giám sát
- Phân tích ca lâm sàng
- Xây dựng kế hoạch can thiệp

b) Workshop kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng chẩn đoán
- Thực hành kỹ năng tham vấn
- Phát triển kỹ năng can thiệp
- Tập huấn công cụ đánh giá

c) Thực tập nghề nghiệp:

- Thực tập tại cơ sở y tế
- Thực hành tại trung tâm tham vấn
- Tham gia dự án cộng đồng
- Thực tập tại các tổ chức

## **2.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

a) Nghiên cứu độc lập:

- Xây dựng đề cương nghiên cứu
- Thu thập và phân tích dữ liệu
- Viết báo cáo khoa học

- Công bố kết quả nghiên cứu

b) Nghiên cứu nhóm:

- Tham gia nhóm nghiên cứu
- Thực hiện dự án nghiên cứu
- Seminar nghiên cứu
- Chia sẻ kết quả nghiên cứu

## ***2.4. Ứng dụng công nghệ trong dạy học***

a) Học tập trực tuyến:

- Hệ thống quản lý học tập (LMS)
- Học liệu số
- Tương tác trực tuyến
- Đánh giá trực tuyến

b) Công nghệ hỗ trợ:

- Phần mềm chuyên ngành
- Mô phỏng tình huống
- Công cụ đánh giá tâm lý
- Hệ thống quản lý ca

## **3. Phương pháp đánh giá**

### ***3.1. Đánh giá quá trình***

- Chuyên cần và tham gia học tập
- Bài tập và dự án
- Thực hành và thảo luận
- Portfolio nghề nghiệp

### ***3.2. Đánh giá tổng kết***

- Bài thi/tiểu luận/bài tập lớn cuối kỳ
- Báo cáo thực tập
- Báo cáo nghiên cứu
- Đề án tốt nghiệp

### ***3.3. Đánh giá năng lực thực hành***

- Kỹ năng chẩn đoán và đánh giá
- Kỹ năng can thiệp và tham vấn
- Đạo đức nghề nghiệp
- Năng lực nghiên cứu

#### 4. Hỗ trợ học tập

##### 4.1. Tư vấn học thuật

- Giảng viên cố vấn
- Hướng dẫn nghiên cứu
- Định hướng nghề nghiệp
- Hỗ trợ cá nhân

##### 4.2. Nguồn lực học tập

- Thư viện chuyên ngành
- Phòng thực hành
- Công cụ đánh giá tâm lý
- Cơ sở thực tập

##### 4.3. Phát triển nghề nghiệp

- Kết nối với chuyên gia
- Cơ hội thực tập
- Hội thảo chuyên môn
- Mạng lưới nghề nghiệp

Các phương pháp và cách tiếp cận trên được thiết kế linh hoạt, có thể điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm của người học và yêu cầu của từng học phần, đồng thời đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên và đóng dấu)



**TS. Trần Ái Cẩm**

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

*Trần Văn Chấn*

**PGS. TS. Huỳnh Văn Chấn**